TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2020/HNGĐ- ST
Ngày 11/12/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Trần Minh Hoàng**
2. Ông Ngô Rô Be
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Minh V, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ T, xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

***- Bị Đơn*:** Chị Lê Kim C, sinh năm 1980 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T A, xã T H B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Đặng Minh V trình bày: tôi và cô Lê Kim C chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống, tôi và cô C có quen biết và có tìm hiểu nhau, sau đó mới đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi và cô C bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ tôi thường xuyên đi ra ngoài nhưng tôi không biết đi đâu và làm gì, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hiện nay tôi và cô C đã sống ly thân với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung gồm:

1. Đặng Thị Kim O, sinh năm 1997

2. Đặng Thị Kim T, sinh năm 1999

3. Đặng Kim T, sinh ngày 25/04/2004

Các cháu hiện đang chung sống với cô C.

- Về tài sản chung: không có.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa anh V yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với cô Lê Kim C.

Về quan hệ con chung: Cháu Đặng Thị Kim O và cháu Đặng Thị Kim T đã trưởng thành, giao cháu Đặng Kim T cho cô C nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn chị Lê Kim C trình bày**: Tòa án đã tống đạt các văn bản cho chị Lê Kim C theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay chị C vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Lê Kim C với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay chị C vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy chị C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và chị C đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị C là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Minh V và chị Lê Kim C là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì anh V và chị C chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị C không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì anh V và chị C chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị C là vợ chồng là có cơ sở.

[3] **Về quan hệ con chung:** Do cháu Đặng Thị Kim O, sinh năm 1997, cháu Đặng Thị Kim T, sinh năm 1999, hiện các cháu đã trưởng thành, anh V xin được giao cháu Đặng Kim T, sinh ngày 25/04/2004 cho chị C nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Đặng Kim T, sinh ngày 25/04/2004 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Mặt khác do cháu T hiện nay 16 tuổi và nguyện vọng của cháu T là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu T sẽ sống với mẹ, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy được Hội đồng xét xử ghi nhận. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung**: do anh V và chị C không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: anh Đặng Minh V phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008071 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh V đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đặng Minh V và chị Lê Kim C là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Đặng Kim T, sinh ngày 25/04/2004 cho chị Lê Kim C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Đặng Minh V nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008071 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh V đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh Đặng Minh V biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho chị Lê Kim C biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật